

GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY HỢP TÁC KINH TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ THÁI LAN

Mã số: 96.111EM.12

Lê Hoàng Oanh

Vụ Thị trường Châu Á - Thái Bình Dương

Bộ Công Thương

E-mail: oanhhlh@moit.gov.vn

Ngày nhận: 27/04/2016 Ngày nhận lại: 20/05/2016 Ngày duyệt đăng: 27/05/2016

Việt Nam và Thái Lan có mối quan hệ hữu nghị và hợp tác truyền thống. Quan hệ hợp tác kinh tế giữa hai nước trong thời gian qua phát triển tốt đẹp, đạt được nhiều kết quả tích cực. Bài viết dưới đây khái quát tình hình hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực thương mại, đầu tư và công nghiệp, phân tích một số triển vọng, cơ hội hợp tác mới và đưa ra một số giải pháp để hai bên tận dụng thời cơ mới, đưa quan hệ hợp tác kinh tế phát triển tương xứng với tầm quan hệ đối tác chiến lược tăng cường.

Từ khóa: quan hệ Việt Nam - Thái Lan, hợp tác kinh tế, thương mại, công nghiệp.

1. Tình hình hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Thái Lan

Kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 06/8/1976, tính đến nay, quan hệ hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Thái Lan đã đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ, đặc biệt trong lĩnh vực thương mại, đầu tư và công nghiệp.

1.1. Hợp tác về thương mại

Trao đổi thương mại

Trong giai đoạn 10 năm từ 2005 – 2015 (bảng 1), trao đổi thương mại giữa Việt Nam và Thái Lan phát triển liên tục và khá ổn định với tốc độ tăng trưởng trung bình đạt khoảng 13,5%/năm, kim ngạch tăng từ 3,24 tỷ USD năm 2005 lên 11,5 tỷ

USD năm 2015. Trong cùng thời kỳ, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam sang Thái Lan tăng trung bình 16%/năm, cao hơn tốc độ tăng trưởng nhập khẩu từ Thái Lan, trung bình 13%/năm.

Năm 2015, tổng kim ngạch trao đổi thương mại Việt Nam - Thái Lan đạt khoảng 11,46 tỷ, tăng 8,3% so với năm 2014, trong đó xuất khẩu của Việt Nam đạt 3,18 tỷ USD, giảm 8,6% so với năm 2014, nhập khẩu đạt 8,28 tỷ USD, tăng 16,8% so với năm 2014. Trong 4 tháng đầu năm 2016, trao đổi thương mại giữa hai nước đạt khoảng 3,55 tỷ USD, trong đó xuất khẩu của Việt Nam đạt 1,12 tỷ USD, nhập khẩu của Việt Nam đạt 2,42 tỷ USD.

Bảng 1: Trao đổi thương mại Việt Nam - Thái Lan 2005 - 2016

Đơn vị tính: triệu USD

	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	4T/2016
VNXK	863,0	930,2	1.030,0	1.288,5	1.314,2	1.182,8	1.938,3	2.832,2	3.069,6	3.475,5	3.176,5	1.123,4
VNNK	2.374,1	3.034,4	3.744,2	4.905,6	4.471,1	5.602,3	6.383,6	5.791,9	6.283,4	7.092,8	8.283,9	2.429,5
XNK	3.237,1	3.964,6	4.774,2	6.194,1	5.785,3	6.785,1	8.321,9	8.624,1	9.353,0	10.568,3	11.460,4	3.552,9
Nhập siêu	1.511,1	2.104,2	2.714,2	3.617,1	3.156,9	4.419,5	4.445,3	2.959,7	3.213,8	3.617,3	5.107,4	1.306,1

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Tổng cục Hải quan

Thái Lan hiện đang là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam trong ASEAN. Trong khi đó, Việt Nam là đối tác thương mại lớn thứ 4 của Thái Lan trong ASEAN.

Các mặt hàng xuất khẩu chính có kim ngạch lớn từ Việt Nam sang Thái Lan gồm có điện thoại các loại và linh kiện; phương tiện vận tải và phụ tùng; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng; thủy sản; sắt thép các loại; dầu thô; xơ, sợi dệt các loại; sản phẩm từ sắt thép; hạt điều.

Các mặt hàng nhập khẩu chính có kim ngạch lớn từ Thái Lan gồm có xăng dầu; máy móc thiết bị dụng cụ phụ tùng khác; hàng điện gia dụng; linh kiện, phụ tùng; chất dẻo nguyên liệu; ô tô nguyên chiếc; máy vi tính, sản phẩm điện tử; hóa chất; vải các loại; nguyên phụ liệu dệt may, da giày...

Một đặc điểm có thể thấy là Việt Nam liên tục nhập siêu từ Thái Lan. Trong năm 2015, Việt Nam nhập siêu từ Thái Lan khoảng 5,11 tỷ USD. Nguyên nhân của tình trạng nhập siêu liên tục trong thời gian qua chủ yếu là:

- Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu của hai nước có nhiều điểm tương đồng. Cả hai nước đều xuất khẩu các mặt hàng dệt may, giày dép, nông sản, thủy sản, gạo, cao su, máy tính, thiết bị điện... Tuy nhiên, hàng Thái Lan có tính cạnh tranh cao hơn nhiều so với hàng Việt Nam không chỉ tại nước thứ 3 mà ngay tại thị trường Việt Nam. Việt Nam nhập khẩu khá nhiều các mặt hàng tiêu dùng, sản phẩm gia dụng, nông sản từ Thái Lan trong khi các mặt hàng này cũng được sản xuất tại Việt Nam. Ví dụ, năm 2015, Việt Nam nhập khẩu 244,3 triệu USD các mặt hàng điện gia dụng và linh kiện; 60 triệu USD mặt hàng rau quả; 19 triệu USD mặt hàng sữa và sản phẩm sữa, 7,3 triệu USD mặt hàng ngô; 51,4 triệu USD mặt hàng giấy và sản phẩm từ giấy; 10 triệu USD mặt hàng thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh...

- Nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu sản xuất đầu vào từ Thái Lan như phụ tùng, linh kiện của các tập đoàn đa quốc gia đầu tư tại Việt Nam vì Thái Lan có ngành công nghiệp phụ trợ phát triển;

- Xu hướng chuyển dịch đầu tư từ Thái Lan sang Việt Nam trong những năm gần đây do một số yếu tố bất lợi tại Thái Lan như bất ổn chính trị, lương cơ bản tăng cao... Khi chuyển nhà máy sang Việt Nam, các doanh nghiệp này phải nhập khẩu máy móc, nguyên liệu đầu vào từ Thái Lan;

- Trong những năm gần đây, Thái Lan triển khai rất mạnh mẽ và có hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại tại Việt Nam. Hàng năm, Thái Lan

vẫn duy trì tổ chức nhiều hội chợ, triển lãm sản phẩm hàng Thái Lan từ Bắc vào Nam và được người tiêu dùng Việt Nam quan tâm và hưởng ứng tích cực;

- Các doanh nghiệp xuất khẩu của Thái Lan có chiến lược kinh doanh rõ ràng, bài bản, đã đầu tư nghiên cứu thị trường Việt Nam, nắm vững và tận dụng khá tốt cơ hội mang lại từ việc người tiêu dùng Việt Nam không thích hàng hóa chất lượng thấp của Trung Quốc.

Cơ chế hợp tác song phương và đa phương

Việt Nam và Thái Lan đã thành lập Ủy ban hỗn hợp về Hợp tác song phương do cấp Phó Thủ tướng của hai nước làm đồng Chủ tịch; Ủy ban hỗn hợp về Thương mại do Bộ trưởng Bộ Công Thương Việt Nam và Bộ trưởng Bộ Thương mại Thái Lan làm đồng Chủ tịch. Gần đây nhất, Kỳ họp lần thứ 2 Ủy ban hỗn hợp (UBHH) về Thương mại Việt Nam - Thái Lan do Bộ Công Thương Việt Nam và Bộ Thương mại Thái Lan đồng chủ trì đã diễn ra tại Băng Cốc tháng 7/2015 nhân dịp Hai Bên tiến hành họp nội các chung. Tại Kỳ họp, hai bên đã đặt ra mục tiêu kim ngạch trao đổi thương mại song phương đạt 20 tỷ USD vào năm 2020 và thông qua "Kế hoạch hành động về hợp tác trong lĩnh vực thương mại và đầu tư giai đoạn 2015-2020".

Bên cạnh các cơ chế hợp tác song phương, Việt Nam và Thái Lan đã tích cực phối hợp để triển khai các hoạt động hợp tác trong các lĩnh vực thương mại, công nghiệp, năng lượng trong các khuôn khổ hợp tác tiểu vùng và đa phương như: Chiến lược hợp tác kinh tế Ayeyawady-Chao Phraya-Mekong (ACMECS); Hợp tác Tiểu vùng Mê công mở rộng (GMS); Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC); Hợp tác giữa ASEAN và các nước đối tác (thực hiện các Hiệp định thương mại tự do giữa ASEAN với Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ôt-xtrây-li-a, Niu Di-lân, Ấn Độ; đàm phán Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP)).

Hợp tác xúc tiến thương mại

Trong thời gian qua, hai bên đã hợp tác triển khai nhiều hoạt động xúc tiến thương mại tại mỗi nước. Hàng năm, hai nước cũng đã trao đổi hàng chục đoàn doanh nghiệp đi khảo sát thị trường, tham dự hội thảo kết nối thương mại, đầu tư, tham gia hội chợ, triển lãm tại mỗi nước. Bộ Công Thương đã phối hợp chặt chẽ với Đại sứ quán Thái Lan tại Việt Nam và các cơ quan liên quan của Thái Lan để tổ chức các hội chợ hàng Việt Nam tại Thái Lan. Năm 2016, nhân dịp kỷ niệm 40 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Thái Lan, Bộ Công Thương chủ trì tổ chức một số hoạt động

xúc tiến thương mại quan trọng tại Thái Lan như Hội chợ hàng Việt Nam - Thái Lan tại Đông Bắc Thái Lan (dự kiến 12/2016 tại tỉnh Udon Thani); Diễn đàn xúc tiến Thương mại và Đầu tư tại Băng Cốc, Thái Lan (dự kiến tháng 10/2015); Diễn đàn năng lượng Việt Nam - Thái Lan lần 2 tại Thái Lan.

Thái Lan trong nhiều năm qua đã triển khai rất mạnh mẽ và có hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại tại Việt Nam. Hàng năm, Thái Lan vẫn duy trì tổ chức nhiều hội chợ, triển lãm, ngày hội mua sắm hàng Thái Lan tại các thành phố lớn của Việt Nam và được người tiêu dùng Việt Nam quan tâm. Thông qua các hội chợ này, Thái Lan đã rất thành công khi giới thiệu và đưa các sản phẩm Thái vào thị trường Việt Nam như sản phẩm gia dụng, hóa mỹ phẩm, may mặc, giày dép, trang sức, phụ kiện thời trang, nông sản, thực phẩm, đồ uống và các mặt hàng tiêu dùng khác.

Hợp tác gạo

Việt Nam và Thái Lan là những nước sản xuất và xuất khẩu gạo hàng đầu trên thế giới. Hợp tác gạo nếu triển khai tốt sẽ giúp hai bên nâng cao năng lực sản xuất, marketing gạo, hạn chế cạnh tranh, giữ giá xuất khẩu hợp lý và ổn định giá lúa cho nông dân. Thời gian qua, hai bên đã có một số hoạt động hợp tác trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm liên quan thông qua cơ chế trao đổi giữa Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA) và Hiệp hội các nhà xuất khẩu gạo Thái Lan (TREA).

1.2. Hợp tác về đầu tư

Theo số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài, tính đến hết tháng 02/2016, Thái Lan là nhà đầu tư lớn thứ 11 vào Việt Nam với 428 dự án và tổng vốn đăng ký là 7,89 tỷ USD. Các dự án FDI của Thái Lan chủ yếu tập trung vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo (với 200 dự án và gần 7 tỷ USD vốn đầu tư, chiếm 47% tổng số dự án và 88% tổng vốn đầu tư của Thái Lan tại Việt Nam); nông lâm thủy sản (31 dự án và 235,4 triệu USD vốn đầu tư, chiếm 7% tổng số dự án và 3% tổng vốn đầu tư tại Việt Nam); xây dựng hạ tầng công nghiệp; bán buôn bán lẻ; dịch vụ lưu trú và ăn uống...

Nhiều doanh nghiệp lớn của Thái Lan đang tiến hành các hoạt động thâm nhập và mở rộng đầu tư tại Việt Nam dựa trên những đánh giá về quy mô thị trường và dự báo về sức mua ngày càng mạnh mẽ tại thị trường Việt Nam. Một số trường hợp điển hình về doanh nghiệp Thái có hoạt động đầu tư rất thành công tại Việt Nam trong thời gian qua có thể kể đến là Bangkok Bank, Tập đoàn Dầu khí Thái Lan, Siam Cement Group, Central Group, Berli Jucker Plc (BJC), Amata,

Thai Corp International, Kan Air.

Hiện nay, các dự án đầu tư của Thái Lan đã có mặt ở 30 tỉnh và thành phố tại Việt Nam. Hai Bên đang thúc đẩy các dự án lớn ở Bình Định, Quảng Ninh, Quảng Trị, Bà Rịa - Vũng Tàu. Nếu các dự án được thông qua, Thái Lan có thể vươn lên là nước có vốn đầu tư lớn thứ 8 ở Việt Nam.

Ở chiều ngược lại, đầu tư của Việt Nam còn ở mức thấp với 10 dự án và 25,7 triệu USD vốn đầu tư tính đến hết tháng 12/2015.

1.3. Hợp tác về công nghiệp

Hợp tác công nghiệp giữa Việt Nam kể từ thời gian những năm đầu thập kỷ 90 đã có những bước phát triển mạnh mẽ với một loạt các dự án lớn trong các lĩnh vực như thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí, sản xuất điện, hóa chất. Hầu hết các dự án đều đang hoạt động có hiệu quả. Một số dự án hợp tác điển hình đã triển khai có hiệu quả hoặc đang trong giai đoạn phát triển dự án có thể kể đến gồm:

- Các dự án tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí theo các hợp đồng chia sản phẩm (PSC) tại một số lô ngoài khơi Việt Nam và tại nước thứ ba (Algeria);
- Dự án Liên doanh Khí hóa lỏng tại Đồng Nai - VT Gas (từ năm 1993);
- Tập đoàn SCG Thái Lan hiện đang góp vốn 46% để cùng các đối tác khác đầu tư xây dựng và vận hành Tổ hợp Hóa dầu miền Nam tại Vũng Tàu, dự kiến vận hành thương mại vào năm 2018;
- Công ty Toyo Thái đứng đầu liên doanh Nhà thầu EPC thực hiện dự án xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol sinh học tại Bình Phước;
- Dự án BOT Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị (đang trong giai đoạn xem xét, phê duyệt báo cáo khả thi);
- Tập đoàn Dầu khí Thái Lan (PTT) tham gia Dự án Tổ hợp lọc hóa dầu Nhơn Hội (hiện đang trong giai đoạn đánh giá lại hiệu quả đầu tư và cơ cấu lại dự án, do giá dầu trên thị trường thế giới giảm sâu).

2. Một số thuận lợi và khó khăn trong hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Thái Lan

2.1. Một số thuận lợi

Việt Nam và Thái Lan thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 06/8/1976. Quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa hai nước có bước phát triển tích cực kể từ năm 1994, sau khi Thái Lan tuyên bố ủng hộ Việt Nam trở thành quan sát viên của ASEAN. Hai nước đã thiết lập được khuôn khổ hợp tác toàn diện, bao gồm chính trị, kinh tế, thương mại, đầu tư, văn hóa - xã hội, giáo dục, đào tạo, thể thao, du lịch, quốc phòng - an ninh, cả ngoại giao chính

thức và ngoại giao nhân dân. Hai bên cũng đã hợp tác chặt chẽ trong các khuôn khổ hợp tác đa phương khu vực và quốc tế, đặc biệt từ khi Việt Nam trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN vào ngày 28/7/1995.

Hai nước thiết lập quan hệ đối tác chiến lược tháng 6/2013 nhân chuyến thăm chính thức Thái Lan của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng. Tháng 7/2015, nhân chuyến thăm chính thức của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tại Thái Lan, hai bên đã ra Tuyên bố chung "Bước vào thập kỷ thứ 5 quan hệ Việt Nam - Thái Lan: Hướng tới quan hệ Đối tác chiến lược tăng cường".

Quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện Việt Nam - Thái Lan đang ngày càng phát triển tốt đẹp hơn, được Lãnh đạo và nhân dân hai nước cùng quan tâm vun đắp, phù hợp với xu thế phát triển của khu vực và toàn cầu. Đây là một nhân tố tích cực, tạo tiền đề và môi trường thuận lợi cho việc đẩy mạnh các hoạt động hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư giữa hai nước.

Trong giai đoạn mới, cả Việt Nam và Thái Lan đều đang đứng trước nhiều cơ hội lớn để tăng cường hợp tác thương mại và đầu tư trên cơ sở hai bên cùng có lợi.

Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) đã được chính thức thành lập từ tháng 12/2015. AEC cơ bản sẽ trở thành một thị trường chung gồm khoảng 600 triệu người tiêu dùng với tổng GDP gần 3.000 tỷ USD, một không gian sản xuất thống nhất, giúp phát huy lợi thế chung của khu vực ASEAN. Hàng hóa, dịch vụ, vốn, công nghệ và lao động có tay nghề sẽ được tự do lưu chuyển trong ASEAN mà không chịu bất cứ hàng rào hay sự phân biệt đối xử nào giữa các thành viên. Trong số các Hiệp định Thương mại tự do (FTA), kể cả TPP, thì mức cắt giảm thuế quan trong AEC là cao nhất hiện nay.

Cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam và Thái Lan khi AEC hình thành đó là mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình tại mỗi nước, được thuận lợi hơn khi tiến hành hoạt động đầu tư tại mỗi nước do vốn đầu tư được tự do lưu chuyển, các rào cản về đầu tư tại mỗi nước được dỡ bỏ.

Cộng đồng Kinh tế ASEAN cũng tạo điều kiện cho doanh nghiệp Việt Nam và Thái Lan tăng cường hợp tác thương mại và đầu tư để xuất khẩu sang các nước đối tác đã ký FTA với ASEAN. Doanh nghiệp Việt Nam có thể tận dụng việc hạ giá nguyên vật liệu đầu vào và ổn định nguồn nhập khẩu từ Thái Lan để giảm giá thành sản xuất các sản phẩm xuất khẩu sang các nước đối tác FTA của ASEAN.

Với việc Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương TPP vừa được ký kết tháng 2/2016, dự kiến có hiệu lực từ năm 2018, cùng với việc một loạt các Hiệp định FTA song phương khác mà Việt Nam vừa mới ký (FTA Việt Nam - EU; FTA Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á-Âu; FTA Việt Nam - Hàn Quốc); Việt Nam đang đứng trước nhiều cơ hội lớn để mở rộng thị trường xuất khẩu và tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài. Đây là một lợi thế riêng của Việt Nam mà rất ít nước trong AEC có được. Lợi thế này làm tăng tính hấp dẫn của thị trường Việt Nam đối với các nhà đầu tư Thái Lan. Đồng thời, bản thân thị trường nội địa Việt Nam với hơn 90 triệu người tiêu dùng, với mức thu nhập của người dân ngày càng được cải thiện, đang được nhiều doanh nghiệp Thái Lan quan tâm và hướng đến.

Về phía Thái Lan, hiện nay Chính phủ Thái Lan đang rất quan tâm và tích cực phát triển các mối quan hệ về thương mại, đầu tư và du lịch với nước ngoài, trong đó, ưu tiên kết nối với các nền kinh tế trong khu vực. Chính phủ Thái Lan đang có chính sách khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp Thái Lan đầu tư ra nước ngoài, trước hết tập trung vào thị trường các nước CLMV, đặc biệt là Việt Nam. Dự báo trong thời gian tới, các nhà đầu tư và doanh nghiệp Thái Lan sẽ tăng cường sự hiện diện cũng như triển khai các hoạt động thương mại và đầu tư tại Việt Nam để tận dụng những cơ hội kinh doanh và những lợi thế của thị trường Việt Nam do bối cảnh mới tạo ra.

Hợp tác với Thái Lan, các doanh nghiệp Việt Nam cũng có điều kiện tiếp cận với một khu vực thị trường rộng lớn với gần 4 tỷ người tiêu dùng do Thái Lan có vị trí cửa ngõ, kết nối tốt với thị trường Ấn Độ, Trung Quốc, Đông Nam Á. Thái Lan được kết nối với Ấn Độ thông qua tuyến đường cao tốc 3 bên Ấn Độ - Mi-an-ma - Thái Lan chạy từ Moreh (Manipur, Ấn Độ), qua Mi-an-ma và tới Thái Lan tại Mae Sot, tạo thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa và hành khách từ Thái Lan sang Ấn Độ. Hiện nay, Việt Nam cũng đang đề nghị mở rộng tuyến đường này sang Lào, Căm-pu-chia và Việt Nam. Thái Lan là nước có tuyến đường bộ duy nhất kết nối Châu Á với Malaysia và Singapore. Nhiều địa bàn thuộc Thái Lan và Việt Nam cùng nằm trên các tuyến hành lang kinh tế Bắc Nam, hành lang kinh tế Đông Tây, hành lang kinh tế phía Nam (được xây dựng trong khuôn khổ chương trình hợp tác tiểu vùng Mê Công mở rộng). Đây là những điều kiện hết sức thuận lợi cho việc đẩy mạnh hợp tác kinh tế, thương mại giữa hai nước và với các nước khác đã được kết nối giao thông.

2.2. Một số khó khăn

Bên cạnh những điều kiện thuận lợi như đã phân tích ở phần trên, quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại giữa hai nước cũng đang đứng trước một số khó khăn, tồn tại.

- Trong trao đổi thương mại, Việt Nam đang ở thế nhập siêu, với giá trị nhập siêu năm 2015 khoảng 5,1 tỷ USD, tương đương 160% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Thái Lan. AEC một mặt mang đến nhiều cơ hội hợp tác, mặt khác cũng đặt ra nhiều thách thức cho doanh nghiệp Việt Nam vì sẽ phải chịu sức ép cạnh tranh từ hàng hóa cùng loại của Thái Lan ngay tại thị trường Việt Nam trong khi năng lực sản xuất, tiếp thị, xúc tiến thương mại, chất lượng của nhiều sản phẩm Thái Lan vượt trội hẳn so với sản phẩm Việt Nam.

- Đầu tư của Việt Nam sang Thái Lan còn khiêm tốn. Đầu tư của Thái Lan vào lĩnh vực nông nghiệp của Việt Nam còn thấp, chỉ chiếm khoảng 3% tổng vốn đầu tư của Thái Lan tại Việt Nam. Nếu con số này tăng lên, Việt Nam có thể tranh thủ tốt hơn vốn, công nghệ, kỹ thuật canh tác, chế biến nông lâm thủy sản của Thái Lan.

- Hợp tác gạo mới chỉ dừng lại ở việc trao đổi thông tin. Cạnh tranh lớn nhưng hợp tác chưa nhiều, chưa có hợp tác trong khâu sản xuất, chế biến và xuất khẩu, chưa tranh thủ được kinh nghiệm của Thái Lan.

- Hoạt động xúc tiến thương mại của Việt Nam tại Thái Lan chưa được triển khai mạnh mẽ và hiệu quả không cao, do thiếu kinh phí và sự đầu tư, nghiên cứu sâu về thị trường, trong khi Thái Lan rất mạnh và thành công trong hoạt động xúc tiến thương mại tại Việt Nam.

- Hợp tác công nghiệp giữa hai nước mới chỉ tập trung vào một số lĩnh vực hợp tác truyền thống là dầu khí, năng lượng. Hai nước hiện nay đã phát triển mạnh và chứng minh được năng lực sản xuất, xuất khẩu trong nhiều lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, chế biến nông lâm thủy sản và có thể tăng cường hợp tác để xây dựng hoặc tham gia sâu hơn vào các chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng khu vực. Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng như hiện nay, hợp tác công nghiệp cần phải tiếp tục được mở rộng, đặc biệt trong các lĩnh vực được hưởng lợi nhiều như ô tô, dệt may, giày dép, công nghiệp hỗ trợ, chế biến nông sản, thực phẩm...

3. Định hướng và giải pháp phát triển hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Thái Lan

Tháng 7/2015, nhân chuyến thăm chính thức của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tại Thái Lan, hai bên đã ra Tuyên bố chung "Bước vào thập kỷ thứ 5 quan hệ Việt Nam - Thái Lan: hướng tới quan hệ Đối tác chiến lược tăng cường". Hai bên đã nhất trí đẩy mạnh quan hệ đối tác chiến lược trên tất cả các lĩnh

vực, với các định hướng cụ thể cho quan hệ hợp tác thực chất trên lĩnh vực chính trị, an ninh quốc phòng và kinh tế. Hai bên nhất trí tích cực thực hiện hiệu quả Chương trình hành động triển khai quan hệ Đối tác chiến lược giai đoạn 2014 - 2018; nâng cao chất lượng của các cơ chế hợp tác.

Về kinh tế, hai bên đặt mục tiêu trao đổi thương mại tăng trưởng khoảng 10-13% một năm, phấn đấu đạt 20 tỷ USD tỷ thương mại song phương vào năm 2020. Hai bên xác định sẽ tạo thuận lợi hơn nữa cho đầu tư song phương thông qua khuyến khích mở các ngân hàng thương mại mới của Thái Lan tại Việt Nam và các ngân hàng Việt Nam ở Thái Lan. Hai bên sẽ tích cực hợp tác để thúc đẩy các dự án đầu tư chủ chốt của doanh nghiệp Thái Lan tại Việt Nam (bao gồm Dự án Lọc hóa dầu Nhơn Hội của PTT tại Bình Định, Nhà máy Nhiệt điện của Tập đoàn quốc tế EGAT tại Quảng Trị, nhà máy hóa dầu của SCG tại Bà Rịa Vũng Tàu, Dự án Khu công nghiệp công nghệ cao của Tập đoàn Amata tại Quảng Ninh); góp phần đưa Thái Lan vào nhóm các nước đầu tư lớn hàng đầu tại Việt Nam, nâng cao tầm quan trọng chiến lược của hợp tác đầu tư trong quan hệ giữa Việt Nam và Thái Lan. Phía Việt Nam khuyến khích mở rộng đầu tư của Thái Lan trên các lĩnh vực tiềm năng tại Việt Nam như dệt may, sản xuất hóa chất, hóa dầu, các sản phẩm gia dụng, các ngành công nghiệp phụ trợ (linh kiện điện tử và ô tô), nông nghiệp và chế biến thực phẩm, năng lượng sinh học và du lịch.

Để đẩy mạnh hơn nữa quan hệ hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Thái Lan trong thời gian tới, nhằm tranh thủ những cơ hội hợp tác mới đang đặt ra, đưa quan hệ hợp tác kinh tế phát triển tương xứng với tầm quan hệ đối tác chiến lược tăng cường trong thời gian tới, cần thực hiện một số giải pháp cụ thể sau:

Thứ nhất, về thương mại, hai bên cần tích cực triển khai kết quả Kỳ họp lần thứ hai UBHH về Thương mại Việt Nam - Thái Lan tổ chức tháng 7/2015; phấn đấu đạt mục tiêu kim ngạch trao đổi thương mại song phương đạt 20 tỷ USD vào năm 2020 và tiến tới cân bằng cán cân thương mại.

Thứ hai, hai bên cần xây dựng cơ chế để tạo thuận lợi cho trao đổi các mặt hàng nông sản giữa hai nước, đặc biệt đối với quy trình kiểm dịch hàng rau quả. Hai bên tăng cường hợp tác về gạo theo các cơ chế đã có giữa hai bên và trong khuôn khổ đa phương ACMECS và ASEAN, trong đó, đặc biệt quan tâm đến hợp tác trong khâu sản xuất và tiếp thị thông qua chia sẻ kinh nghiệm, kỹ thuật canh tác, nghiên cứu phát triển công nghệ, giống mới, xây dựng thương hiệu, marketing sản phẩm gạo.

Thứ ba, hai bên tăng cường hợp tác trong khuôn khổ đa phương như Hợp tác Tiểu vùng Mê

Công mở rộng (GMS), Hợp tác ACMECS, APEC, ASEM, ASEAN... Hai bên tăng cường kết nối về hạ tầng cứng và hạ tầng mềm để tạo thuận lợi hơn nữa cho hợp tác thương mại và đầu tư.

Thứ tư, về hợp tác công nghiệp, ngoài việc tiếp tục phối hợp triển khai các dự án hợp tác trong lĩnh vực năng lượng và hóa chất như đã nêu ở phần trên, trong thời gian tới, Việt Nam và Thái Lan có thể xem xét đẩy mạnh hợp tác trong các lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ để tận dụng các cơ hội về thị trường dựa trên thế mạnh và nhu cầu hợp tác của mỗi nước.

Thái Lan có thế mạnh về vốn và năng lực sản xuất trong các lĩnh vực như dầu khí, hóa chất (nhựa, chất tẩy rửa...), sản xuất nhiên liệu sinh học và dầu mỡ nhờn, dịch vụ kỹ thuật, công nghiệp ô tô, xe máy, cơ khí chế tạo (máy và thiết bị công nghiệp, máy nông nghiệp), dệt may, da giày, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến thực phẩm... Ngành công nghiệp phụ trợ của Thái Lan hiện nay đang được đánh giá có triển vọng phát triển rất tốt trong khu vực, giúp Thái Lan từng bước tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Trong chính sách công nghiệp của mình (Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến 2025 tầm nhìn 2035), Việt Nam hiện đang ưu tiên phát triển các ngành như: cơ khí, luyện kim, máy nông nghiệp, ô tô và phụ tùng ô tô, vật liệu mới, hóa dầu, nhựa, hóa dược, chế biến nông sản, thực phẩm, dệt may, da giày, điện tử, viễn thông, IT, năng lượng tái tạo, điện... Trong Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Việt Nam xác định các lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ ưu tiên gồm: (1) linh kiện phụ tùng kim loại, nhựa - cao su, điện - điện tử phục vụ ngành cơ khí, chế tạo máy, ô tô, điện tử...; (2) nguyên vật liệu, phụ liệu ngành dệt may, da giày; (3) công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp công nghệ cao (thép chế tạo, nhựa, cao su, vật liệu mới, vật liệu điện tử, composit, gốm công nghiệp, hóa chất...).

Do vậy, Việt Nam có thể học hỏi kinh nghiệm của Thái Lan và đẩy mạnh hợp tác với Thái Lan trong những lĩnh vực công nghiệp nêu trên, đặc biệt là công nghiệp hỗ trợ để xây dựng và nâng cao năng lực cho các nhà sản xuất nội địa, góp phần phục vụ công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

Thứ năm, hai bên tích cực phối hợp, đẩy mạnh triển khai và nâng cao chất lượng các hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ, triển lãm, hoạt động cung cấp thông tin cho doanh nghiệp; tổ chức hội nghị, hội thảo giới thiệu môi trường đầu tư, kinh doanh; kết nối đầu tư, giao thương trong thời gian tới để các doanh nghiệp nâng cao nhận thức và nắm bắt các cơ hội hợp tác kinh doanh tại mỗi nước.

Kết luận:

Quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại giữa Việt Nam và Thái Lan trong thời gian qua phát triển tốt đẹp và đạt nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, hai bên vẫn đang đứng trước một số khó khăn, thách thức để nâng tầm quan hệ hợp tác, đưa hợp tác đi vào chiều sâu và mang lại hiệu quả, lợi ích thiết thực hơn cho mỗi nước, đặc biệt là Việt Nam, vốn đang ở trình độ phát triển và có năng lực cạnh tranh thấp hơn so với Thái Lan. Để phát triển quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại tương xứng với tầm quan hệ đối tác chiến lược tăng cường, Việt Nam và Thái Lan cần đẩy mạnh hợp tác thông qua cả kênh song phương và đa phương, từ cấp độ nhà nước đến hiệp hội và doanh nghiệp, trong đó, phải tìm ra những lĩnh vực mới mà hai bên có thế mạnh và có nhu cầu, phù hợp với bối cảnh hội nhập và đặc điểm thế mạnh của mỗi nước như công nghiệp ô tô, công nghiệp hỗ trợ, chế biến nông lâm thủy sản, chế tạo sản phẩm điện, điện tử... đồng thời phải đổi mới phương thức hợp tác hướng tới chất lượng và hiệu quả. ♦

Tài liệu tham khảo:

1. Thủ tướng Chính phủ (2014), *Quyết định số 879/2014/QĐ-TTg ngày 09/6/2014 phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035*.
2. Bộ Công Thương (2015), *Quyết định số 9028/QĐ-BCT ngày 08/10/2014 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*.
3. Bộ Công Thương, *Báo cáo tổng kết công tác thị trường khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, năm 2013, 2014, 2015*.
4. Bộ Công Thương, *Hồ sơ hợp tác song phương, thị trường Thái Lan*.

Summary

Vietnam and Thailand has built up friendly and traditional cooperation relationships. The economic ties between the two countries in the past time have been highly promoted and gained considerable achievements. The article generalizes the cooperation between Vietnam and Thailand in trade, investment and industry, analyses some potentials and opportunities for cooperation, also suggests some solutions for both sides to take advantage of new opportunities to bring the mutual economic relationships to a new height proportionate to the fostered strategic partnership between the two countries.